

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án: số 540/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Lý;

2- Ông Huỳnh Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1122/2019/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông Huỳnh Thanh D; sinh năm: 1967

Địa chỉ: tổ 5, khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bị đơn: bà Lâm Thị Bé H - sinh năm: 1968;

Địa chỉ: tổ 5, khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh D trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn bà Lâm Thị Bé H chung sống với nhau từ năm 2005, không có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn.

Sau khi sống chung với nhau, hai bên hạnh phúc bình thường cho đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mà không thể hòa giải, hàn gắn tình cảm được do đó ông D đã dọn ra ở riêng không còn chung sống với bà H khoảng hơn một năm.

Nay ông D xác định không còn tình cảm gì với bà H do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: có 01 con chung Huỳnh Thanh Sang, sinh ngày 26/01/2006. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xác minh của Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức xác định bà Lâm Thị Bé H sinh năm: 1968 có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại tổ 5, khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Thị Bé H không có lời khai trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Lâm Thị Bé H vắng mặt tại phiên tòa khi Tòa án giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Thanh D và bà Lâm Thị Bé H chính thức sống chung với nhau năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà H không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu của ông D, Hội đồng xét xử nhận thấy: mặc dù ông Huỳnh Thanh D và bà Lâm Thị Bé H tự nguyện tìm hiểu nhau và chính thức sống chung với nhau vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại điều 9, điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh D và bà Lâm Thị Bé H.

[3] Xét về hậu quả pháp lý của việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh D và bà Lâm Thị Bé H; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết hậu quả pháp lý về con chung và tài sản chung.

Về con chung: có 01 con chung Huỳnh Thanh S, sinh ngày 26/01/2006, ông D giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét, căn cứ văn bản số 506/LĐTĐ ngày 31/3/2020 của Phòng lao động thương binh xã hội quận Thủ Đức, trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của ông D và bà H xác định con chung hiện nay do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống tại số 67/1/4/1 đường Lê Thị Hoa, tổ 5, khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, và nguyện vọng của con chung cũng mong muốn sống chung với bà H, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Huỳnh Thanh D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Thanh D :

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh D và bà Lâm Thị Bé H.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Thanh S, sinh ngày 26/01/2006. Giao con chung cho bà Lâm Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lâm Thị Bé H, nếu ông Huỳnh Thanh D chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Huỳnh Thanh D phải chịu. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Huỳnh Thanh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 56050 ngày 27/11/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Huỳnh Thanh D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3/ Quyền kháng cáo;

Ông D có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a (áp dụng Điều 7b nếu có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự của vụ án
- VKSND Q.TĐ
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo